

**TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 07/2018/DSST

Ngày 09/5/2018

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - BẮC GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lục Viết Sang

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Yên Thế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên
tòa:*** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-DS ngày 07/12/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST-DS ngày 09/4/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: TT, xã TT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: ĐB, xã TH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chu Thị T, sinh năm 1971 (Chu Thị T) (Vắng mặt)

Địa chỉ: ĐB, xã TH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

Anh Trần Văn M, sinh năm 1972

Địa chỉ: TT, xã TT, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

ủy quyền cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: TT, xã TT, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Gia đình chị kinh doanh thức ăn chăn nuôi, anh T có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình chị từ tháng 12/2015 đến 27/01/2016 trong quá trình mua bán có nhiều lần mua và nhiều lần trả tiền, tính đến ngày 27/01/2016 hai bên chốt nợ anh T còn nợ lại là 70.400.000đ, sau đó anh T trả chị được 37.000.000đ ngày 17/02/2016 có mua tiếp với số tiền là 7.900.000, tổng số tiền còn nợ lại là 41.300.000đ, nay chị yêu cầu anh T, chị T trả 41.300.000đ chị không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa anh T khai anh xác nhận có mua thức ăn chăn nuôi của anh Trần Văn M đến ngày 17/02/2016, hai bên có chốt số nợ còn lại là 41.300.000đ, đến ngày 29/02/2018 anh T có ký xác nhận nợ lại số tiền, anh xác định còn nợ lại anh M số tiền là 41.300.000đ và xin trả dần anh M chị T.

Tại bản tự khai anh Trần Văn M thể hiện: Gia đình anh có kinh doanh thức ăn chăn nuôi, anh T có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình từ tháng 12/2015 đến 27/01/2016 trong quá trình mua bán có nhiều lần mua và nhiều lần trả tiền, tính đến ngày 27/01/2016 hai bên chốt nợ anh T còn nợ lại là 70.400.000đ, sau đó anh T trả chị được 37.000.000đ và ngày 17/02/2016 có mua tiếp với số tiền là 7.900.000, tổng số tiền còn nợ lại là 41.300.000đ.

Lời khai của chị Chu Thị T thể hiện: Chị và anh Nông Văn T là vợ chồng, hiện tại vợ chồng vẫn chung sống và phát triển kinh tế chung, chị không biết chị không mua bán cám chăn nuôi với chị T còn chồng chị có mua không thì chị không biết.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ; thủ tục thụ lý vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- *Nguyên đơn*: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Bị đơn*: Chưa chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh M Chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T buộc anh Nông Văn T và chị Chu Thị T (Chu Thị T) phải thanh toán cho chị Vũ Thị T và anh Trần Văn M số tiền gốc 41.300.000đ.

Miễn tiền án phí cho anh T, chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhiều lần tiến hành triệu tập anh T, đến làm việc nhưng anh T không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh T. Chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T (Trang).

Về nội dung: Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nông Văn T, chị Chu Thị T trả vợ chồng chị số tiền gốc là 41.300.000đ không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử nhận định: Về số tiền gốc 41.300.000đ, anh T có giao kết hợp đồng mua bán tài sản nội dung anh M có bán cám chăn nuôi

cho anh T để chăn nuôi phát triển kinh tế, trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 17/02/2016, hai bên có chót số nợ còn lại là 41.300.000đ, tại phiên tòa anh T thừa nhận còn nợ số tiền này do đó xác định số nợ còn nợ lại chị T, anh M là 41.300.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ: anh T mua thức ăn chăn nuôi để phát triển kinh tế chung do vậy cần áp dụng Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình buộc anh T, chị T có trách nhiệm trả nợ chị T, anh M số tiền gốc 41.300.000đ.

Để đảm bảo quyền lợi người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Yêu cầu của chị T là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Anh T, chị T thuộc dân tộc Nùng sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho anh T, chị T.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T buộc anh Nông Văn T và chị Chu Thị T (Chu Thị T) phải thanh toán cho chị Vũ Thị T và anh Trần Văn M số tiền gốc 41.300.000đ (*Bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nông Văn T và chị Chu Thị T (Chu Thị T)

Chị Vũ Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.165.000d tại biên lai thu số AA/2012/02347 ngày 01/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Hữu Luyện